

Số: /GP-UBND

Thanh Hóa, ngày tháng năm 2024

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét hồ sơ kèm theo Công văn số 36/CV-BOB ngày 08/12/2023 của Công ty TNHH BOB Thanh Hóa về việc đề nghị cấp Giấy phép môi trường của dự án Nhà máy sản xuất, gia công lắp đặt bộ dây điện ô tô tại xã Thọ Tiến, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 11/TTr-STNMT ngày 03 tháng 01 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty TNHH BOB Thanh Hóa, địa chỉ tại Lô 59B, Khu công nghiệp Tây Bắc Ga, phường Đông Cương, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án Nhà máy sản xuất, gia công lắp đặt bộ dây điện ô tô tại xã Thọ Tiến, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án:

1.1. Tên dự án đầu tư: Nhà máy sản xuất, gia công lắp đặt bộ dây điện ô tô tại xã Thọ Tiến, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

1.2. Địa điểm hoạt động: xã Thọ Tiến, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm, mã số doanh nghiệp: 2803074789, đăng ký lần đầu ngày 28/6/2023 do Phòng Đăng ký kinh doanh, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp.

1.4. Mã số thuế/mã số doanh nghiệp: 2803074789

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Sản xuất, gia công lắp đặt bộ dây điện ô tô và xe có động cơ khác.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án:

- Dự án đầu tư có tiêu chí về môi trường nhóm II theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

- Quy mô: Dự án nhóm B (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Tổng diện tích sử dụng đất 37.036,0 m².

- Quy mô dự án: Xưởng sản xuất số 1 diện tích 10.800,0 m²; Xưởng sản xuất số 2 diện tích 3.440,0 m²; Nhà ăn ca diện tích 1020,0 m²; Nhà văn phòng điều hành sản xuất diện tích 1.140,0 m²; Nhà để xe máy diện tích 1.500,0 m²; Nhà nghỉ ca diện tích 277,0 m²; Nhà bảo vệ diện tích 48,0 m²; Nhà trạm bơm và bể PCCC diện tích 228,0 m²; Nhà chứa rác thải diện tích 116 m²; Khu xử lý nước thải diện tích 72 m² và các hạ tầng kỹ thuật, công trình phụ trợ khác.

- Công suất dự án : 1.000.000 sản phẩm/năm.

- Công nghệ sản xuất: Nguyên liệu → Kiểm tra nguyên liệu → Uốn tự động → Uốn bán tự động → Kiểm tra trực quan → Tổng hợp → Kiểm tra mạch → Đóng gói sản phẩm → Nhập kho, xuất hàng.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Bảo đảm các yêu cầu về mùi, khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH BOB Thanh Hóa:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH BOB Thanh Hóa có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải

bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm.

(từ ngày 15 tháng 01 năm 2024 đến ngày 15 tháng 01 năm 2034).

Điều 4. Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước UBND tỉnh về tính chính xác của các số liệu tại Giấy phép này;

Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với UBND huyện Triệu Sơn và các đơn vị liên quan tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật; xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật nếu có vi phạm; chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước UBND tỉnh về nhiệm vụ quản lý nhà nước đối với các yêu cầu bảo vệ môi trường, chất lượng chất thải và tiếng ồn của dự án được cấp phép ra môi trường./.

Nơi nhận:

- Công ty TNHH BOB Thanh Hóa (để t/hiện);
- Sở TN&MT (để theo dõi);
- UBND huyện Triệu Sơn (để theo dõi);
- Các đơn vị liên quan;
- Lưu: VT, PgNN.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Đức Giang

PHỤ LỤC 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GP-UBND ngày / /2024
của UBND tỉnh Thanh Hóa)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải:

1.1. Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt từ Xưởng sản xuất số 01 có lưu lượng lớn nhất là 13,20 m³/ngày.đêm được thu gom, xử lý sơ bộ sau đó dẫn về Hệ thống xử lý nước thải tập trung.

1.12. Nguồn số 02: Nước thải sinh hoạt từ Xưởng sản xuất số 02 có lưu lượng lớn nhất là 15,66 m³/ngày.đêm được thu gom, xử lý sơ bộ sau đó dẫn về Hệ thống xử lý nước thải tập trung.

1.3. Nguồn số 03: Nước thải sinh hoạt từ nhà nghỉ ca có lưu lượng lớn nhất là 3,0 m³/ngày.đêm được thu gom, xử lý sơ bộ sau đó dẫn về Hệ thống xử lý nước thải tập trung.

1.4. Nguồn số 04: Nước thải sinh hoạt từ nhà văn phòng có lưu lượng lớn nhất là 2,28 m³/ngày.đêm được thu gom, xử lý sơ bộ sau đó dẫn về Hệ thống xử lý nước thải tập trung.

1.5. Nguồn số 05: Nước thải nhà ăn ca có lưu lượng lớn nhất là 11,78 m³/ngày.đêm được thu gom, xử lý sơ bộ sau đó dẫn về Hệ thống xử lý nước thải tập trung

2. Dòng nước xả thải vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Nước thải sau xử lý từ hệ thống xử lý nước thải tập trung chảy ra mương thoát nước hiện trạng tại xã Thọ Tiến, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá.

2.2. Vị trí xả nước thải:

- 01 (Một) dòng nước thải: Nước thải sau xử lý hệ thống xử lý nước thải tập trung được thải ra mương thoát nước hiện trạng phía Tây Bắc bằng đường ống PVC D110 dài 130m tại xã Thọ Tiến, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá.

- Toạ độ vị trí xả nước thải: X= 2193452 (m); Y = 553550 (m) (theo tọa độ VN 2000, kinh tuyến 105°, mũi chiếu 3°).

Điểm xả nước thải sau hệ thống xử lý phải được lắp đặt biển báo, ký hiệu rõ ràng, thuận lợi cho việc kiểm tra, giám sát hoạt động xả thải theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 87 Luật Bảo vệ môi trường.

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 45,92 m³/ngày.đêm.

2.3.1. Phương thức xả thải: Xả ngầm

2.3.2. Chế độ xả nước thải: Liên tục 24 giờ/ngày.đêm (sử dụng phao bơm tự động).

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 14:2008/BTNMT (cột B, K = 1,2) - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải sinh hoạt, cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ
1	pH	-	5 - 9	Không thuộc đối tượng phải quan trắc định kỳ
2	BOD ₅ (20°C)	mg/l	60	
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	120	
4	Tổng chất rắn hòa tan	mg/l	1.200	
5	Sunfua (tính theo H ₂ S)	mg/l	4,8	
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	12	
7	Nitrat (NO ₃ ⁻) (tính theo N)	mg/l	60	
8	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	24	
9	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	12	
10	Phosphat (PO ₄ ³⁻) (tính theo P)	mg/l	12	
11	Tổng Coliforms	MPN/100ml	5.000	

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải phát sinh đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Nước thải sinh hoạt (từ nguồn số 01 đến nguồn số 04) gồm: Nước thải nhà vệ sinh được thu gom, xử lý trong bể tự hoại 03 ngăn (01 bể thể tích 6 m³ tại khu văn phòng, 01 bể thể tích 20 m³ tại xưởng sản xuất số 01, 01 bể thể tích 30 m³ tại xưởng sản xuất số 2, 01 bể thể tích 15 m³ tại nhà nghỉ ca), sau đó cùng nước thải tắm giặt, rửa tay chân dẫn theo đường ống PVC 120 về hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 50 m³/ngày.đêm để tiếp tục xử lý.

- Nước thải từ hoạt động chế biến thức ăn, rửa dụng cụ chứa đồ ăn phát sinh tại nhà ăn ca (nguồn số 05) được xử lý sơ bộ trong bể tách dầu mỡ sau đó theo đường ống PVC 120 về hệ thống xử lý nước thải tập trung để xử lý.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải tập trung:

- Công suất thiết kế của hệ thống xử lý nước thải tập trung: 50 m³/ngày.đêm.

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải sinh hoạt được xử lý sơ bộ → Bể gom → Bể điều hòa → Bể Anoxic → Bể hiếu khí → Bể lắng sinh học → Bể khử trùng → Đường ống PVC D110 → Mương thoát nước phía Tây Bắc nhà máy.

- Hóa chất sử dụng: Dung dịch NaOH, NaOCl (hoặc các hóa chất khác tương đương, đảm bảo chất lượng nước thải sau xử lý đạt yêu cầu và không phát sinh thêm chất ô nhiễm quy định tại Mục 2.3.3 phần A của Phụ lục này).

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

1.4.1. Biện pháp phòng ngừa sự cố

- Định kỳ hằng năm tiến hành duy tu, bảo dưỡng máy móc, thiết bị của công trình xử lý nước thải theo hướng dẫn kỹ thuật của nhà cung cấp.

- Bố trí nhân viên kỹ thuật vận hành công trình xử lý nước thải và ghi chép sổ nhật ký vận hành theo quy định.

- Bố trí đầy đủ các thiết bị dự phòng (máy thổi khí, bơm nước, bơm định lượng,...) đảm bảo sẵn sàng thay thế khi có sự cố thiết bị.

- Thực hiện kiểm tra, giám sát thường xuyên hệ thống thu gom nước thải, thoát nước thải sau xử lý để phòng ngừa tình trạng tắc nghẽn hệ thống.

1.4.2. Biện pháp ứng phó sự cố

- Trường hợp máy móc, thiết bị bị hư hỏng, tiến hành khóa van xả nước thải sau xử lý ra môi trường tiếp nhận; bơm nước trong bể xử lý về bể điều hòa; công nhân kỹ thuật tiến hành sửa chữa hoặc thay thế kịp thời bằng các thiết bị, máy móc dự phòng.

- Trường hợp nước thải sau xử lý không đạt giá trị giới hạn cho phép tại Mục 2.3.3 Phần A Phụ lục này: Nước thải sẽ được bơm quay về bể điều hòa và tiếp tục xử lý đạt chuẩn trước khi thải ra môi trường.

- Trường hợp hệ thống xử lý nước thải gặp sự cố lớn, thời gian sửa chữa kéo dài: Chủ đầu tư thuê đơn vị có chức năng bơm hút toàn bộ nước thải đi xử lý theo quy định đến khi khắc phục xong sự cố.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải (quy định tại Khoản 5 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường).

2.2. Thời gian vận hành thử nghiệm: 03 tháng (dự kiến từ tháng 02/2025).

2.3. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm: Hệ thống xử lý nước thải tập trung, công suất 50 m³/ngày.đêm.

2.4. Vị trí lấy mẫu: Mẫu nước thải đầu vào (tại bể thu gom nước thải) và mẫu nước thải đầu ra của hệ thống xử lý nước thải (bể gom nước thải sau bể khử trùng).

2.5. Chất ô nhiễm chính và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: Thực hiện theo nội dung được cấp phép tại Mục 2.3.3. Phần A Phụ lục này.

2.6. Tần suất lấy mẫu: Thực hiện theo quy định tại Khoản 5 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, vận hành hệ thống xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án theo đúng quy trình và đạt yêu cầu về chất lượng nước thải quy định tại Mục 2.3.3 phần A của Phụ lục này và công trình, biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố nước thải bảo đảm không xả nước thải ra môi trường trong trường hợp xảy ra sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải.

3.2. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại Mục 2.3.3 Phần A của Phụ lục này và ngừng ngay việc xả nước thải để thực hiện biện pháp khắc phục.

3.3. Bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hoá chất bảo đảm vận hành thường xuyên, hiệu quả hệ thống công trình thu gom, xử lý nước thải.

3.4. Lắp đặt đầy đủ biển báo, ký hiệu chỉ dẫn đối với điểm xả thải nước thải sau hệ thống xử lý ra môi trường; Lắp đặt đồng hồ đo lưu lượng nước thải; Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ nhật ký vận hành hệ thống xử lý nước thải (gồm: Lưu lượng đầu vào và đầu ra; lượng điện tiêu thụ và lượng hóa chất sử dụng,...).

3.5. Tổng hợp, đánh giá số liệu quan trắc nước thải và lập báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải gửi Sở Tài nguyên và Môi trường trước khi kết thúc vận hành thử nghiệm 10 ngày./.

PHỤ LỤC 2

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GP-UBND ngày / /2024
của UBND tỉnh Thanh Hóa)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI

1. Nguồn phát sinh khí thải:

Nguồn 01: Mùi, khí thải từ hoạt động nấu ăn tại nhà ăn (nguồn phát sinh không liên tục).

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải:

2.1. Vị trí xả khí thải nguồn số 01: Tương ứng với ống thông hơi từ quạt hút mùi khu vực nhà bếp của nhà máy, tọa độ vị trí xả khí thải (theo tọa độ VN 2000, kinh tuyến 105° múi chiều 3°) như sau: X = 2193228 (m); Y = 553712 (m).

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất:

- Dòng khí thải số 1: Không xác định.

2.3. Phương thức xả thải:

- Dòng khí thải số 01: Không liên tục (Khí thải được xả ra môi trường qua ống thông hơi, xả thải không thường xuyên chỉ phát sinh khi hoạt động nấu ăn).

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải và hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục:

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải phát sinh:

- Khí thải (mùi) phát sinh từ hoạt động nấu ăn tại khu vực bếp được thu gom bằng hệ thống chụp hút mùi để xử lý sau đó dẫn vào hệ thống đường ống thoát khí chung D300 thoát ra môi trường.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải:

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải:

- Dòng khí thải số 01: Mùi, khí thải từ hoạt động nấu ăn → Quạt hút → Cụm hệ thống hút mùi → Đường ống thông hơi → Môi trường.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục:

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Quan trắc khí thải định kỳ:

Không thuộc đối tượng phải quan trắc khí thải định kỳ.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

Không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý bụi, khí thải (theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP).

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của các xưởng sản xuất có phát sinh dung môi hữu cơ đảm bảo đáp ứng quy định.

3.2. Định kỳ hằng năm, thực hiện duy tu, bảo dưỡng thiết bị xử lý bụi, khí thải và máy phát điện dự phòng theo quy định của nhà sản xuất.

3.3. Bố trí đủ nguồn lực, thiết bị bảo đảm vận hành thường xuyên, hiệu quả hệ thống công trình thu gom, xử lý khí thải./.

PHỤ LỤC 3
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GP-UBND ngày / /2024
của UBND tỉnh Thanh Hóa)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 1: Máy cắt tự động xương số 1;
- Nguồn số 2: Máy siết mô men xoắn xương số 1;
- Nguồn số 3: Máy cắt tự động xương số 2;
- Nguồn số 4: Máy siết mô men xoắn xương số 2;
- Nguồn số 5: Tủ hoạt động của máy phát điện dự phòng;
- Nguồn số 6: Tủ hoạt động của máy thổi khí, máy bơm của Hệ thống xử lý

nước thải tập trung.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung: Tại xã Thọ Tiến, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến 105^0 , múi chiều 3^0 , cụ thể:

- + Nguồn số 01: Tọa độ: X = 2193352 (m); Y = 553720 (m).
- + Nguồn số 02: Tọa độ: X = 2193267 (m); Y = 553659 (m).
- + Nguồn số 03: Tọa độ: X = 2193299 (m); Y = 553744 (m).
- + Nguồn số 04: Tọa độ: X = 2193248 (m); Y = 553719 (m).
- + Nguồn số 05: Tọa độ: X = 2193208 (m); Y = 553678 (m).
- + Nguồn số 06: Tọa độ: X = 2193188 (m); Y = 553648 (m).

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và giới hạn tối đa cho phép		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)		
1	70	55	-	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và giới hạn tối đa cho phép		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến	Từ 21 giờ đến		

	21 giờ (dB)	6 giờ (dB)		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

1.1. Thường xuyên bảo dưỡng máy móc, thiết bị, đảm bảo động cơ hoạt động ổn định để giảm thiểu tiếng ồn. Kê đệm cao su tại các điểm tiếp xúc giữa máy thổi khí, động cơ, máy bơm và sàn đặt máy để giảm tiếng ồn và giảm độ rung. Bố trí khoảng cách các thiết bị gây ồn hợp lý.

1.2. Trồng cây xanh xung quanh khu vực dự án nhằm giảm thiểu tác động của tiếng ồn phát sinh từ hoạt động của dự án.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung./.

PHỤ LỤC 4
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GP-UBND ngày / /2024
của UBND tỉnh Thanh Hóa)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI:

1. Chứng loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại (CTNH) phát sinh thường xuyên:

TT	Tên chất thải	Mã CTNH	Khối lượng dự kiến phát sinh (kg/năm)
1	Bóng đèn huỳnh quang hỏng	16 01 06	10
2	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	17 02 03	15
3	Giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại.	18 02 01	15
4	Các loại dầu thủy lực thải khác	17 01 07	15
5	Bao bì mềm thải chứa thành phần nguy hại	18 01 01	20
6	Pin, ắc quy thải	16 01 12	8
7	Bao bì kim loại cứng thải	18 01 02	25
Tổng (kg)			108

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

TT	Tên chất thải	Số lượng (kg/năm)
1	Vỏ bao bì đựng nguyên liệu, giấy, dây buộc, thùng cotton	30.000
2	Nhựa thải, sản phẩm lỗi	2.500
4	Tem mác	100
5	Kim loại thải bỏ	1.200
6	Gỗ	3.000
7	Bùn thải từ công trình xử lý nước thải (sau khi được phân định không có thành phần nguy hại)	23.250
Tổng số		60.056

1.3. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn sinh hoạt:

TT	Tên chất thải	Khối lượng (tấn/năm)
1	Chất thải rắn sinh hoạt	61,98

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa:

- Thùng lưu chứa CTNH có nắp đậy, dung tích 18 lít – 200 lít
- Bao bì ghi nhãn mác của từng loại CTNH theo quy định.

2.1.2. Khu vực lưu chứa trong nhà:

- Diện tích khu vực lưu chứa: 36,0 m².
- Thiết kế, cấu tạo của khu vực lưu chứa: Nằm trong nhà lưu chứa chất thải có vách ngăn với khu lưu chứa rác thải sinh hoạt và công nghiệp. Nhà lưu chứa chất thải được xây dựng có mái che, sàn bê tông xi măng chống thấm, có gờ cao tránh chảy tràn chất thải dạng lỏng ra môi trường bên ngoài; lắp biển cảnh báo; có đầy đủ thiết bị, dụng cụ phòng cháy chữa cháy theo quy định của pháp luật về phòng cháy chữa cháy.

- Khu vực lưu chứa CTNH phải đáp ứng quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường. Định kỳ chuyển giao cho đơn vị chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

2.2.1. Thiết bị lưu chứa: Bao bì, thùng, phuy, can có nắp đậy.

2.2.2. Khu vực lưu chứa trong nhà:

- Diện tích khu vực lưu chứa: 40,0 m².
- Thiết kế, cấu tạo của khu vực lưu chứa: Nằm trong nhà lưu chứa chất thải có vách ngăn với khu lưu chứa rác thải sinh hoạt và nguy hại.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

2.3.1. Thiết bị lưu chứa:

- Trang bị và bố trí thùng chứa chất thải rắn sinh hoạt có nắp đậy loại từ 10-120 lít tại các nơi phát sinh như nhà ăn, nhà xưởng, khu văn phòng... để thu gom.

- Hằng ngày thu gom chất thải rắn sinh hoạt 01 lần/ngày về khu vực lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt.

- Diện tích khu vực lưu chứa: 40,0 m².

- Thiết kế, cấu tạo của khu vực lưu chứa: Nằm trong nhà lưu chứa chất thải

có vách ngăn với khu lưu chứa rác thải sinh hoạt và nguy hại.

- Thực hiện vệ sinh hàng ngày đảm bảo sạch sẽ.
- Hợp đồng với đơn vị có chức năng tới thu gom, xử lý theo quy định của pháp luật, định kỳ 1 lần/ngày.

2.4. Chuyển giao chất thải

- Thực hiện quản lý chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt và nguy hại theo quy định, đảm bảo không gây ô nhiễm môi trường.
- Chỉ được chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại cho đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định.

2.5. Yêu cầu chung đối với thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt:

Các thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải đáp ứng đầy đủ yêu cầu theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG:

1. Thực hiện phương án phòng chống, ứng phó với sự cố rò rỉ hóa chất và sự cố khác theo quy định của pháp luật.
2. Thực hiện phương án phòng chống, ứng phó với sự cố rò rỉ hóa chất và sự cố khác theo quy định của pháp luật.
3. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường./.

PHỤ LỤC 5

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GP-UBND ngày /2024
của UBND tỉnh Thanh Hóa)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ/CƠ SỞ TIẾP TỤC THỰC HIỆN SAU KHI ĐƯỢC CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG TRONG GIAI ĐOẠN THI CÔNG DỰ ÁN.

1. Các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm do nước mưa chảy tràn

- Quét dọn vệ sinh sau mỗi ngày làm việc hạn chế các chất ô nhiễm bị cuốn theo nước mưa làm ô nhiễm nguồn nước.

- Che chắn khu vực bãi chứa nguyên vật liệu (cát, đá,...) phục vụ quá trình thi công xây dựng bằng bạt hạn chế thấp nhất lượng nước mưa chảy qua khu vực thi công.

- Tạo hệ thống rãnh thoát nước mưa tạm thời, trên đường thoát nước mưa bố trí hố ga tạm (có kích thước $d \times r \times h = 0,5 \text{m} \times 0,5 \text{m} \times 0,5 \text{m}$) để lắng loại bỏ bùn đất.

- Thường xuyên kiểm tra nạo vét không để bùn đất, rác thải xâm nhập vào đường thoát nước chung của khu vực.

- Chất thải sinh hoạt được thu gom vào các thùng rác để tránh bị nước mưa cuốn trôi theo vào nguồn nước.

2. Các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm do nước thải

a. Đối với nước thải sinh hoạt của công nhân:

- Đối với nước thải tắm rửa, giặt giũ, vệ sinh tay chân với lưu lượng $1,5 \text{ m}^3/\text{ngày}$ được thu gom và dẫn về hố lắng có kích thước $2,4 \times 1,0 \times 1,5 \text{ m}$ (hố lắng lót bạt chống thấm thành và đáy) để loại bỏ chất rắn lơ lửng, nước thải sau lắng sẽ được tận dụng chống bụi khu vực công trường.

- Đối với nước thải vệ sinh có lưu lượng $1,5 \text{ m}^3/\text{ngày}$ được thu gom bằng 02 nhà vệ sinh di động, kích thước nhà vệ sinh $95 \times 130 \times 0245 \text{ cm}$. Hợp đồng với đơn vị chức năng định kỳ hút bùn cặn (tần suất 1 ngày/lần) đem đi xử lý bằng xe chuyên dụng.

b. Đối với nước thải xây dựng, nước rửa xe:

Đối với nước thải vệ sinh thiết bị, rửa xe có lưu lượng là $3,2 \text{ m}^3/\text{ngày}$, được thu gom bằng rãnh thu gom và xử lý bằng hố tách váng dầu kích thước $0,5 \times 0,5 \times$

0,5m, sau đó đưa sang bể lắng tạm (2x1,5x1,5m) lót đáy bằng vải địa kỹ thuật chống thấm để xử lý. Nước thải sau khi lắng được tận dụng làm nước chống bụi khu vực công trường và chảy ra mương hiện trạng phía Tây Bắc dự án.

3. Các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm do bụi, khí thải

- Phun nước tạo độ ẩm, giảm nồng độ bụi phát tán trong khu vực thi công. Dùng xe téc 5 m³, phun theo ống đục lỗ nằm ngang phía dưới téc. Tần suất phun nước 02 lần/ngày và tăng số lần phun nước trong điều kiện thời tiết khô hanh, nắng tại các tuyến đường qua khu dân cư lân cận.

- Quét dọn tuyến đường vận chuyển nguyên vật liệu Nghi Sơn – Thọ Xuân trong phạm vi 300m từ dự án về 2 phía Tây Bắc và Đông Nam dự án.

- Các phương tiện xe, máy thi công kiểm chuẩn và đăng kiểm phù hợp về các thông số vận hành và môi trường nhằm đảm bảo máy móc, thiết bị có hiệu suất làm việc cao và vận hành hiệu quả.

- Các xe vận tải chuyên chở nguyên vật liệu cho quá trình thi công xây dựng phải có bạt che kín thùng xe.

- Trong quá trình thi công tránh thi công đồng loạt máy móc, hạn chế thi công vào những giờ sinh hoạt của người dân, thông báo thời gian thi công cụ thể để người dân biết.

- Xây dựng hàng rào tạm bằng tôn cao 2,5 m, dài khoảng 400m bao quanh khu vực thi công để giảm thiểu bụi và tiếng ồn phát sinh.

- Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động (quần áo bảo hộ, mũ, khẩu trang, gang tay, kính...theo quy định).

4. Các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm do chất thải rắn thông thường

- *Đối với chất thải rắn sinh hoạt*: Trang bị 03 thùng dung tích 100 lít/thùng đặt tại khu lán trại để phân loại và lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt, hợp đồng với đơn vị chức năng vận chuyển đi xử lý với tần suất 01 lần/ngày.

- *Đối với chất thải rắn xây dựng*:

- + Đối với vật liệu là đá, cát, gạch, bê tông rơi vãi được thu gom và san lấp mặt bằng khu vực dự án.

- + Đối với sắt, thép thừa, bao bì xi măng...thu gom tập trung về khu vực lán trại công nhân để tái sử dụng hoặc bán lại cho các cơ sở thu mua phế liệu.

- + Đối với khối lượng phát quang thảm phủ thực vật thu gom và vận chuyển đến bãi đổ thải của dự án.

5. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại

Các loại chất thải nguy hại được thu gom và lưu trữ trong thùng chứa chất thải 120 lít có nắp đậy kín, được quây kín, có mái che, nền cao tránh nước mưa, đảm bảo không rò rỉ, rơi vãi, phát tán ra môi trường. Chủ dự án hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển, xử lý theo đúng quy định.

6. Biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung và các tác động khác:

- Lắp đặt các thiết bị giảm tiếng ồn, độ rung cho các máy móc có tiếng ồn, độ rung cao như: máy hàn, cắt,... Không sử dụng các máy móc thi công đã cũ, hệ thống giảm âm bị hỏng vì chúng sẽ gây ra ô nhiễm tiếng ồn rất lớn. Thường xuyên bảo dưỡng bộ phận giảm âm ở các thiết bị máy móc thi công.

- Quy định tốc độ của xe và máy móc khi hoạt động trong khu vực thực hiện dự án.

- Các phương tiện vận chuyển hạn chế dùng còi trong khu đông người.

- Phối hợp với địa phương về việc khai báo tạm trú, tạm vắng của cán bộ, công nhân viên tham gia thi công dự án.

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG:

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải rắn sinh hoạt và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT. Khu vực lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn sinh hoạt phải luôn đảm bảo đáp ứng các quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT. Định kỳ chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại cho đơn vị có đầy đủ năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định. Thực hiện quản lý chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường đảm bảo quy định, không gây ô nhiễm môi trường.

2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình đối với các công trình bảo vệ môi trường nêu trong Giấy phép môi trường này, đảm bảo các loại chất thải phát sinh phải được xử lý theo đúng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

3. Kiểm soát thông số ô nhiễm trong nước thải bảo đảm nước thải sau xử lý đáp ứng Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt QCVN 14:2008/BTNMT, cột B, hệ số $K = 1,2$; khuyến khích tái sử dụng nước thải sau xử lý nhằm tiết kiệm tài nguyên và giảm thiểu tác động xấu đến môi trường.

4. Kiểm soát hoạt động của hệ thống xử lý nước thải tập trung đảm bảo không phát sinh mùi hôi từ hệ thống xử lý ra môi trường xung quanh.

5. Thực hiện nghiêm túc các biện pháp bảo vệ môi trường khác theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; các biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong quá trình hoạt động theo đúng quy định của Luật Bảo vệ môi trường./.